

MINIMUM CORE VOCABULARY LIST FOR TOPIC AREAS A, B & C

TOPIC AREA C: THE WORLD AROUND US

C1 HOME TOWN AND GEOGRAPHICAL SURROUNDINGS		
Home town and geographical surroundings		
城里	chéng lǐ	inside the city; in town
城市	chéng shì	city
村子	cūn zi	village
大楼	dà lóu	block; building
单元	dān yuán	unit; entrance number
地方	dì fāng	place
地区	dì qū	area; region
地址	dì zhǐ	address
风景	fēng jǐng	scenery; landscape
海	hǎi	sea
海边	hǎi biān	seaside
河	hé	river
胡同	hú tong	alley
湖	hú	lake
花儿	huār	flower
环境	huán jìng	environment
活动	huó dòng	activity
机场	jī chǎng	airport
家乡	jiā xiāng	hometown
建筑	jiàn zhù	construction
郊区	jiāo qū	suburb
教堂	jiào táng	church
街	jiē	street
居民	jū mín	resident
空气	kōng qì	air; atmosphere
邻居	lín jū	neighbour
路	lù	road
路口	lù kǒu	intersection (of roads)
名胜古迹	míng sheng gǔ jì	place of interest
农村	nóng cūn	rural area
人口	rén kǒu	population
森林	sēn lín	forest
沙滩	shā tān	beach
山	shān	mountain; hill
山区	shān qū	mountain area
省	shěng	province
市中心	shì zhōng xīn	city centre
首都	shǒu dū	capital
草	cǎo	grass
树	shù	tree
树林	shù lín	woods
乡下	xiāng xià	countryside

**MINIMUM CORE VOCABULARY LIST FOR TOPIC AREAS A, B & C**

野生动物	yě shēng dòng wù	wild animals
植物	zhí wù	plants
<b>Countries and continents</b>		
德国	dé guó	Germany
法国	fǎ guó	France
非洲	fēi zhōu	Egypt
国际	guó jì	international
国家	guó jiā	country
国外	guó wài	abroad; overseas
华侨	huá qiáo	overseas Chinese
马来西亚	mǎ láí xī yà	Malaysia
美国	měi guó	United States
美洲	měi zhōu	America (continent)
欧洲	ōu zhōu	Europe
日本	rì běn	Japan
世界	shì jiè	world
新加坡	xīn jiā pō	Singapore
亚洲	yà zhōu	Asia
印度	yìn dù	India
印尼	yìn ní	Indonesia
英国	yīng guó	Britain
中国	zhōng guó	China